

Số: *143*/ĐC-HĐND

*Hà Giang, ngày 13 tháng 7 năm 2018*

**ĐỀ CƯƠNG TIẾP XÚC CỬ TRI**  
**Báo cáo kết quả Kỳ họp thứ Bảy HĐND tỉnh khóa XVII,**  
**nhiệm kỳ 2016 - 2021**

Kính gửi: Các vị Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

Sau 2,5 ngày làm việc nghiêm túc, với tinh thần đoàn kết, dân chủ, trí tuệ và trách nhiệm cao (từ ngày 09 đến 11/7/2018). Kỳ họp thứ Bảy HĐND tỉnh Khóa XVII đã kết thúc tốt đẹp, hoàn thành chương trình đề ra với nhiều nội dung quan trọng được thông qua. Sau đây là những nội dung chủ yếu:

**A. GIÁM SÁT TẠI KỲ HỌP**

**I. XEM XÉT CÁC BÁO CÁO TẠI KỲ HỌP**

Tại kỳ họp này HDND tỉnh đã xem xét 20 báo cáo của Thường trực HDND, UBND tỉnh và các cơ quan tư pháp của tỉnh (*Trong đó có 9 báo cáo trình trực tiếp tại kỳ họp, 11 báo cáo đại biểu tự nghiên cứu*). Kỳ họp cũng nghe thông báo của Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam tỉnh Hà Giang về tham gia xây dựng chính quyền 6 tháng đầu năm 2018 và những kiến nghị đối với HĐND, UBND tỉnh; nghe Đoàn Đại biểu Quốc hội khóa XIV tỉnh Hà Giang báo cáo kết quả kỳ họp thứ Năm - Quốc hội khóa XIV.

**1. Đối với báo cáo của UBND tỉnh trình tại kỳ họp.**

Trong 6 tháng đầu năm, việc tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội, quốc phòng, an ninh năm 2018 gặp phải không ít khó khăn, thách thức, đặc biệt là hậu quả của đợt mưa lũ vừa qua. Song dưới sự lãnh đạo sát sao của Tỉnh ủy, sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt của UBND tỉnh, cùng với sự nỗ lực của các cấp, các ngành của tỉnh phát huy những kết quả đạt được trong năm 2017, thực hiện đồng bộ và có hiệu quả các giải pháp về phát triển kinh tế -xã hội ngay từ đầu năm, tiếp tục cụ thể hóa 2 khâu đột phá, 5 chương trình trọng tâm theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI và các chỉ tiêu Nghị quyết của HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển KTXH, Quốc phòng - An ninh năm 2018. Kinh tế tiếp tục có sự tăng trưởng ổn định, hầu hết các chỉ tiêu đều tăng khá so với cùng kỳ năm trước. Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn của tỉnh Hà Giang đạt 7,04%, tăng 0,36% so với cùng kỳ năm trước, đứng thứ 7 trong 14 tỉnh trung du và miền núi phía Bắc, 11/16 chỉ tiêu đánh giá thường kỳ đạt 50% trở lên.

Bên cạnh những kết quả đạt được HĐND tỉnh cũng thẳng thắn chỉ ra một số tồn tại hạn chế cần khắc phục trong những tháng cuối năm như: Thực hiện Chương trình xây dựng Nông thôn mới còn nhiều bất cập, vướng mắc (*Một số xã chậm thực hiện việc rà soát, điều chỉnh Đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn*

mới cho phù hợp sự thay đổi thực tế; việc huy động xã hội hóa còn khó khăn...); tiến độ thâm định và giải ngân nguồn vốn của các chương trình, dự án nhìn chung còn chậm, tỷ lệ giải ngân vốn còn thấp; thu ngân sách chưa đạt kế hoạch đề ra; công tác quản lý hoạt động khai thác khoáng sản, nhất là khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh còn nhiều hạn chế, tình trạng vi phạm quản lý đất đai, cấp phép xây dựng, vi phạm quy hoạch vẫn còn xảy ra; chưa có quy chế phối hợp giữa các nhà máy thủy điện trong việc vận hành hoạt động tích nước, xả lũ; lượng khách du lịch tăng khá so với cùng kỳ, nhưng doanh thu và đóng góp từ lĩnh vực này cho nền kinh tế của tỉnh tăng không đáng kể; việc triển khai một số chính sách dân tộc, chính sách hỗ trợ giảm nghèo còn có những vấn đề tồn tại do chủ quan; một số dự án đã đầu tư nhưng không phát huy được hiệu quả;...

## **2. Báo cáo của HĐND tỉnh trình tại kỳ họp**

Trong 6 tháng đầu năm, hoạt động của HĐND tỉnh đã bám sát và hoàn thành cơ bản các nhiệm vụ theo chương trình công tác đề ra, thực hiện tốt chức năng giám sát và quyết định các vấn đề quan trọng ở địa phương như: Tổ chức thực hiện thành công Kỳ họp thứ Bảy HĐND tỉnh, ban hành 20 nghị quyết, trong đó có 5 nghị quyết về công tác cán bộ; các nghị quyết được thông qua tại kỳ họp đề đảm bảo chất lượng, có tính khả thi cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và nguyện vọng của cử tri. 6 tháng đầu năm Thường trực, các Ban và các Tổ đại biểu HĐND tỉnh đã tổ chức 11 cuộc giám sát và khảo sát. Hoạt động giải trình, chất vấn đã được quan tâm, chú trọng (đã tổ chức 1 phiên giải trình, chất vấn giữa kỳ họp với 12 ý kiến thuộc 2 lĩnh vực). Bên cạnh đó, hoạt động tiếp xúc cử tri, tiếp công dân, tiếp nhận và xử lý đơn thư, khiếu nại tố cáo, kiến nghị của công dân tiếp tục được quan tâm và thực hiện có hiệu quả... Kết quả hoạt động trong 6 tháng đầu năm cho thấy HĐND tỉnh đã chủ động, đổi mới và thống nhất cao trong mọi hoạt động thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định và tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của HĐND tỉnh.

## **3. Báo cáo của các cơ quan Tư pháp**

Các cơ quan tư pháp đã chủ động phối hợp chặt chẽ trong công tác thi hành án cũng như công tác xét xử đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao, để phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh xử lý tội phạm và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật. Trong 6 tháng đầu năm tình hình an ninh trật tự được đảm bảo, không phát sinh điểm nóng, đồng thời phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật, tuy nhiên, trong 6 tháng đầu năm vẫn còn một số tồn tại hạn chế trong quá trình giải quyết một số vụ án của viện kiểm sát chưa chặt chẽ dẫn đến phải trả lại hồ sơ cho cơ quan điều tra bổ sung, kéo dài thời gian giải quyết; công tác kiểm sát việc bắt giữ, tạm giam, tạm giữ vẫn còn vi phạm nên ảnh hưởng đến hiệu quả công tác thi hành án. Trên cơ sở các tồn tại, hạn chế nêu trên các cơ quan tư pháp cũng đề ra những giải pháp cụ thể để khắc phục những hạn chế trong công tác điều tra và kiểm sát xét xử.

## **II. VỀ CHẤT VẤN TẠI KỲ HỌP**

Tại Kỳ họp đã có 11 đại biểu HĐND tỉnh chất vấn với 11 ý kiến đối với 7 thủ trưởng các sở ngành liên quan đến các lĩnh vực: Tài nguyên - Môi trường;

Nông nghiệp và PTNT; Công thương; Giáo dục - Đào tạo; Ban quản lý đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh; Xây dựng; Giao thông - Vận tải.

Qua hoạt động chất vấn, các đại biểu HĐND tỉnh đã thể hiện sự tâm huyết, trách nhiệm; chất vấn ngắn gọn, rõ ràng, cụ thể, thẳng thắn nêu ra các bức xúc của cử tri và dư luận xã hội trong tỉnh quan tâm. Thủ trưởng các sở, ngành đã trả lời trực tiếp vào nội dung được hỏi, không né tránh những vấn đề phức tạp; thẳng thắn nhận trách nhiệm và đưa ra những giải pháp và thể hiện sự quyết tâm làm chuyển biến tình hình trong thời gian tới. Về cơ bản, các đại biểu cũng đồng tình nhất trí với các ý kiến trả lời của thủ trưởng các sở, ngành. Cũng tại phiên chất vấn, qua đường dây nóng toạ đã tiếp nhận 01 ý kiến, phản ánh của cử tri (*cử tri thành phố Hà Giang*). Thường trực HĐND tỉnh sẽ xem xét chuyển các ý kiến này đến các cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định.

Sau phiên chất vấn, HĐND tỉnh đã thông qua ***Nghị quyết về chất vấn và trả lời chất vấn*** làm cơ sở để UBND tỉnh và các sở ngành, ban ngành tổ chức thực hiện; HĐND tỉnh giám sát, đáp ứng yêu cầu nguyện vọng của nhân dân.

## **B. XEM XÉT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ QUAN TRỌNG**

Kỳ họp đã thông qua 20 nghị quyết (*14 nghị quyết chuyên đề, 05 nghị quyết về công tác cán bộ và 01 Nghị quyết về chất vấn và trả lời chất vấn*);

### **I. NHÓM NGHỊ QUYẾT VỀ CÔNG TÁC CÁN BỘ**

- Hội đồng nhân dân tỉnh đã thông qua Nghị quyết cho thôi làm nhiệm vụ Đại biểu HĐND tỉnh đối với ông Nguyễn Sơn Hà - Nguyên Chính ủy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, do chuyển công tác về Quân khu II. Nghị quyết miễn nhiệm các chức danh Trưởng ban Pháp chế đối với ông Hoàng Đình Phối; Trưởng Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đối với ông Đỗ Anh Tuấn; Phó Trưởng Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh (kiêm nhiệm) đối với ông Hoàng Hải Lý; Phó Trưởng Ban Dân tộc HĐND tỉnh (kiêm nhiệm) đối với ông Nguyễn Hồng Hải.

- Nghị quyết xác nhận kết quả bầu các chức danh: Trưởng Ban Pháp chế HĐND tỉnh đối với ông Lê Quang Minh - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy; Trưởng ban KTNS đối với ông Ngô Xuân Nam, Phó Chánh Văn phòng HĐND tỉnh; Phó Trưởng Ban Pháp chế HĐND tỉnh (kiêm nhiệm) đối với ông Thào Mí Sính - Phó Trưởng ban Dân vận Tỉnh ủy; Phó Trưởng Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh (kiêm nhiệm) đối với ông Trần Văn Minh - Phó Chủ tịch Liên đoàn lao động tỉnh.

- Nghị quyết miễn nhiệm chức danh Ủy viên UBND tỉnh đối với ông Bùi Văn Tuấn - Bí thư Huyện ủy Bắc Mê. Nghị quyết xác nhận kết quả bầu cử bổ sung Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh Hà đối với ông Hoàng Hải Lý - Giám đốc Sở Nội vụ và ông Lương Văn Đoàn - Chánh Văn phòng UBND tỉnh.

## **II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CÁC NGHỊ QUYẾT CHUYÊN ĐỀ**

### **1. Nghị quyết về chính sách đặc thù của tỉnh**

***Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng tự nguyện thôi việc, nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu.***

#### **1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

a) Cán bộ, công chức trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội từ cấp tỉnh đến cấp xã;

b) Viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội từ cấp tỉnh đến cấp huyện;

c) Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động không xác định thời hạn quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp;

Các đối tượng quy định tại Khoản này sau đây gọi chung là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

## 2. Điều kiện áp dụng

a) Đối tượng quy định tại Khoản 1 nêu trên nếu tự nguyện xin thôi việc và được cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng đồng ý và được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì được hưởng mức hỗ trợ thôi việc ngay;

b) Trường hợp đối tượng từ cấp tỉnh đến cấp huyện quy định tại Điểm a, Điểm c Khoản 1 và đối tượng giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các đơn vị quy định tại Điểm b Khoản 1 nêu trên, nếu có thời gian công tác từ đủ 01 năm đến 3 năm sẽ đến tuổi nghỉ hưu theo quy định của Bộ luật Lao động (nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi), mà tự nguyện nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu và được cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng đồng ý, đồng thời được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì được hưởng mức hỗ trợ nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu.

Ưu tiên áp dụng cho các đối tượng thuộc trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện sắp xếp, tổ chức lại bộ máy hoặc tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức hoặc sắp xếp lại nhân sự để thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy, nhân sự trong đơn vị sự nghiệp công lập theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

## 3. Đối tượng không áp dụng

a) Các đối tượng thuộc diện tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và các đối tượng được hưởng chế độ, chính sách theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội;

b) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động chưa làm việc đủ thời gian cam kết với cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền khi được cử đi đào tạo, bồi dưỡng hoặc khi được hưởng chế độ ưu đãi, thu hút của tỉnh;

c) Cán bộ, công chức, viên chức có trình độ tiến sỹ; bác sĩ, dược sĩ đại học trở lên trong ngành y tế; viên chức, người lao động thuộc đơn vị sự nghiệp tự chủ 100%;

d) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đang trong thời gian luân chuyển; đang bị xem xét kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; chưa hoàn thành việc thanh toán các khoản tiền, tài sản thuộc trách nhiệm của cá nhân đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị.

#### 4. Mức hỗ trợ

a) Đối tượng thôi việc ngay quy định tại Điểm a Khoản 2 nêu trên: Ngoài được hưởng các chế độ thôi việc theo quy định của pháp luật, được tính hỗ trợ một lần với mức 500.000 đồng/01 tháng làm việc (*tương đương 6.000.000 đồng/năm làm việc có đóng bảo hiểm xã hội*), nhưng tối đa không quá 150.000.000 đồng/người.

b) Đối tượng nghỉ công tác chờ đủ tuổi sẽ nghỉ hưu quy định tại Điểm b Khoản 2 nêu trên: Được tính hỗ trợ hưởng nguyên mức lương chức vụ hoặc lương theo ngạch, bậc, phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề, mức chênh lệch bảo lưu lương (nếu có) và được đóng BHXH, BHYT. Không được nâng bậc lương thường xuyên theo quy định.

5. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn tiết kiệm 2% dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương hàng năm (*không bao gồm quỹ tiền lương và các khoản có tính chất tiền lương*) và nguồn tăng thu ngân sách hàng năm (nếu có).

6. Thời gian thực hiện: Nghị quyết này được thực hiện kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2018 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### **2. Nhóm nghị quyết cụ thể hoá các văn bản của Trung ương**

#### **2.1. Nghị quyết Quy định mức thù lao cho người đọc, nghe, xem, kiểm tra báo chí lưu chiểu trên địa bàn tỉnh**

Quy định các mức chi thù lao cho người đọc, nghe, xem, kiểm tra báo chí lưu chiểu; các mức chi như sau:

- Chi thù lao *đọc, nghe, xem* để kiểm tra báo chí lưu chiểu là: 165.000 đồng (1 ngày)/ định mức tin, bài theo ngày.

- Chi thù lao *thẩm định* nội dung báo chí lưu chiểu là 500.000 đồng/vấn đề/vấn bản tham gia ý kiến (tối đa 03 ý kiến/01 vấn đề).

#### **2.2. Nghị quyết Quy định một số nội dung về quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh.**

Quy định về quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020. Cụ thể gồm:

Mục 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo xã đặc biệt khó khăn thuộc chương trình 30a, xã đặc biệt khó khăn và thôn đặc biệt khó khăn thuộc chương trình 135.

1. Đối với hỗ trợ tạo đất sản xuất và hỗ trợ khoán chăm sóc, bảo vệ rừng: Thực hiện hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng theo các quy định hiện hành.

2. Hỗ trợ dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế:

a) Đối với dự án thuộc lĩnh vực nông lâm nghiệp:

b) Định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước: tối đa không quá 500 triệu đồng/dự án. Căn cứ định mức hỗ trợ tối đa nêu trên, Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã quyết định mức hỗ trợ cụ thể cho từng hộ dân khi phê duyệt dự án, cụ thể:

+ Hộ nghèo: Tối đa 15 triệu đồng/hộ.

+ Hộ cận nghèo: Tối đa 12 triệu đồng/hộ.

+ Hộ mới thoát nghèo: Tối đa 10 triệu đồng/hộ.

c) Thời gian thực hiện: tối đa không quá 03 năm/dự án.

### 3. Hỗ trợ đối với dự án phát triển ngành nghề và dịch vụ

- Đối tượng hỗ trợ: Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đầu tư nhà xưởng sản xuất, chế biến, bảo quản trên địa bàn xã, thôn đặc biệt khó khăn, xã biên giới.

- Điều kiện hỗ trợ: Các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh phải có hợp đồng liên kết với các hộ dân thuộc đối tượng nêu tại Điều 1 trong phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề, chế biến, tiêu thụ sản phẩm của địa phương sản xuất.

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ nhà xưởng, máy móc, thiết bị, công cụ, vật tư sản xuất. Mức hỗ trợ tối đa 300 triệu đồng/dự án. Thời gian thực hiện: tối đa không quá 03 năm/dự án.

### 4. Chi xây dựng và nhân rộng mô hình tạo việc làm công:

- Địa bàn thực hiện: Xã có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn; xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Mức hỗ trợ:

+ Xây dựng và nhân rộng mô hình tạo việc làm công thông qua đầu tư các công trình hạ tầng quy mô nhỏ ở thôn: tối đa không quá 500 triệu đồng/dự án.

+ Mô hình sản xuất nông, lâm kết hợp tạo việc làm cho người nghèo gắn với trồng và bảo vệ rừng: tối đa không quá 300 triệu đồng/dự án.

+ Mô hình giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu: tối đa không quá 200 triệu đồng/dự án.

- Thời gian thực hiện: tối đa không quá 03 năm/dự án. Mỗi mô hình có tối thiểu 70% số người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo tham gia mô hình.

5. Hỗ trợ các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tham gia dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp: Định mức hỗ trợ tối đa không quá 300 triệu đồng/dự án. Kinh phí hỗ trợ cho hộ gia đình tham gia dự án tối đa 12 triệu đồng/hộ, nhưng tổng kinh phí hỗ trợ cho các hộ gia đình tham gia dự án hoặc mô hình không vượt quá mức hỗ trợ tối đa cho một dự án hoặc mô hình tại Khoản 1; mỗi hộ chỉ được hỗ trợ 1 lần, tùy điều kiện sản xuất mỗi hộ có thể nhận nhiều nội dung hỗ trợ nhưng tổng số hỗ trợ không vượt quá số tiền tối đa nêu trên. Thời gian thực hiện: tối đa không quá 03 năm/dự án.

6. Chi xây dựng và quản lý dự án: không quá 6% mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho dự án.

Mục 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài chương trình 30a và chương trình 135.

1. Đối tượng hỗ trợ: Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trong thời hạn 3 năm, người dân, nhóm hộ và cộng đồng dân cư.

2. Nội dung và mức hỗ trợ: Như (Mục 1) nêu trên.

Mục 3: Một số quy định hỗ trợ khác:

1. Hỗ trợ phương tiện nghe - xem:

- Loại phương tiện hỗ trợ: 01 Ra-đi-ô hoặc 01 Ti vi/01 hộ nghèo.
  - Điều kiện hỗ trợ:
    - + Hộ nghèo chưa có phương tiện nghe - xem (chưa có đồng thời Ti vi và Ra-đi-ô).
    - + Đối với hộ được hỗ trợ Ra-đi-ô: địa bàn sinh hoạt hoặc làm việc phải thu được sóng phát thanh của Đài tiếng nói Việt Nam hoặc Đài phát thanh địa phương.
    - + Hộ nghèo có nhu cầu và đề nghị hỗ trợ.
  - Mức hỗ trợ: Đối với Ra-đi-ô: tối đa không quá 1.500.000 đồng. Đối với Ti vi: tối đa không quá 4.000.000 đồng
  - Hình thức hỗ trợ: Bằng hiện vật.
2. Hỗ trợ thiết lập cụm thông tin cơ sở: Giao UBND tỉnh quyết định cụ thể cho từng cụm thông tin cơ sở khi có phát sinh thực tế.
3. Chi hỗ trợ công tác quản lý về giảm nghèo ở cấp xã: Tối đa không quá 3% tổng kinh phí sự nghiệp của Chương trình thực hiện các dự án giao cho cấp xã quản lý.

### **2.3. Nghị quyết Quy định mức chi hỗ trợ thực hiện Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" trên địa bàn tỉnh.**

Quy định mức chi hỗ trợ thực hiện Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" trên địa bàn tỉnh là:

- *Mức hỗ trợ thực hiện cuộc vận động của cấp xã:*
  - + Đối với các xã, thị trấn thuộc vùng khó khăn, xã thuộc địa bàn khó khăn (xã khu vực III) theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: 25.000.000 đồng/năm/xã, thị trấn.
  - + Đối với xã, phường, thị trấn còn lại: 20.000.000 đồng/năm/xã, phường, thị trấn.
- *Mức hỗ trợ thực hiện cuộc vận động ở khu dân cư:*
  - + Thôn, tổ dân phố có quy mô dân số dưới 700 hộ dân: 6.000.000 đồng/năm/thôn, tổ dân phố.
  - + Thôn, tổ dân phố có quy mô dân số cứ tăng thêm 200 hộ dân thì được hỗ trợ thêm: 1.000.000 đồng/năm/thôn, tổ dân phố so với định mức quy định tại Điểm a, Khoản 2 Điều này.
  - + Đối với thôn, tổ dân phố của các xã thuộc vùng khó khăn, xã thuộc địa bàn đặc biệt khó khăn (xã khu vực 3) theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, ngoài mức hỗ trợ tại quy định Điểm a, Điểm b, Khoản 2 Điều này được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/năm/thôn/tổ dân phố.

### **2.4. Nghị quyết Quy định định mức phân bổ hỗ trợ lập kế hoạch đầu tư cấp xã thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.**

Định mức kinh phí hỗ trợ lập kế hoạch đầu tư cấp xã:

- Đối với Tổ kế hoạch thôn: 500.000 đồng/năm/tổ.
- Đối với Ban quản lý cấp xã: 3.000.000 đồng/1năm/Ban quản lý.

**Ngoài ra, Kỳ họp cũng thông qua nhóm các nghị quyết quy định về các hoạt động quản lý nhà nước về tài chính, tài sản công; Nghị quyết điều chỉnh các quy hoạch và các Nghị quyết liên quan đến hoạt động của HĐND tỉnh<sup>1</sup>**

Các Nghị quyết nêu trên sẽ được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng và gửi các cơ quan, đơn vị, xã, phường, thị trấn để quán triệt và tổ chức thực hiện.

### **C. VẤN ĐỀ KHÁC**

Ngoài các nội dung nêu trên, Hội đồng nhân dân tỉnh đã tổ chức quyên góp, ủng hộ nhân dân các dân tộc tại các huyện trong tỉnh bị ảnh hưởng bởi mưa lũ vừa qua. Tổng số tiền quyên góp là **54.250.000 đồng** (năm mươi tư triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng), đã được chuyển đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh để trao tận tay nhân dân vùng lũ để khắc phục hậu quả.


Trên đây là Đề cương báo cáo kết quả Kỳ họp thứ Bảy, Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XVII, nhiệm kỳ 2016 – 2021.

Thường trực HĐND tỉnh đề nghị các Tổ đại biểu tổ chức tiếp xúc cử tri tại địa bàn ứng cử; đề nghị các vị đại biểu tùy điều kiện xem xét lựa chọn tiếp xúc cử tri nơi cư trú, TXCT đơn vị công tác hoặc tiếp xúc cử tri qua mạng Internet theo Đề án Đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động HĐND tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2016 - 2021. Các ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi về Thường trực HĐND tỉnh và Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam tỉnh Hà Giang trước ngày **15/8/2018** để tổng hợp, chuyển cơ quan có thẩm quyền giải quyết. /

#### **Nơi nhận:**

- Thường trực Tỉnh ủy (B/c);
- TT HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Như kính gửi;
- Lãnh đạo VP HĐND tỉnh;
- Các phòng CM, TTĐT thuộc VP;
- Lưu: VT.

**TM. THƯỜNG TRỰC HĐND TỈNH**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hoàng Văn Vịnh**

<sup>1</sup> - Nghị quyết Quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh.

- Nghị quyết Quy định thời gian gửi các báo cáo tài chính - ngân sách, kế hoạch đầu tư công trung hạn, dự toán, phân bổ, quyết toán ngân sách; thời gian giao dự toán; thời hạn phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương.

- Nghị quyết về danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc đối tượng đầu tư trực tiếp và cho vay của Quỹ đầu tư phát triển tỉnh.

- Nghị quyết thông qua Danh mục công trình, dự án thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất để phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng (bổ sung) trên địa bàn tỉnh năm 2018.

- Nghị quyết về thông qua kết quả rà soát điều chỉnh quy hoạch đất lâm nghiệp và 3 loại rừng tỉnh Hà Giang.

- Nghị quyết thông qua điều chỉnh Quy hoạch phát triển ngành Công nghiệp tỉnh Hà Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Nghị quyết Quy định nhiệm vụ chi, phân bổ chi phí quản lý chung và một số mức chi nhiệm vụ, dự án về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

- Nghị quyết về ban hành Chương trình giám sát năm 2019 của HĐND tỉnh Hà Giang.

- Nghị quyết về việc thành lập Đoàn giám sát kết quả thực hiện Nghị quyết số 98/NQ-HĐND, ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2018.